

**CÔNG TY TNHH NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ TIỀN GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ TIỀN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIA ART AND ENTERTAINMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108882212

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 604, Số 30D Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                               | 8230(Chính) |
| 2.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                            | 8551        |
| 3.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                              | 8552        |
| 4.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 5.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1811        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812        |
| 7.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                | 1820        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 9.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                       | 4791        |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)                                                                                                                                                               | 4933        |
| 11. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                         | 5912        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                       | 6311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 14. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7420 |
| 15. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.                                                        | 8559 |
| 16. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9000 |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Radiô, cassette, tivi;<br>- Loa, thiết bị âm thanh nổi;<br>- Máy nghe nhạc;<br>- Đầu video, đầu đĩa CD, DVD.                                                                                                                                                                                   | 4742 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4390 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4761 |
| 29. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                 | 4762 |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629 |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 35. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7722 |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                        | 8299 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng mọi chất liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax... | 4659 |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất.<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị.                                            | 7410 |
| 40. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8110 |
| 41. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8121 |
| 42. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8129 |
| 43. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8130 |
| 44. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8211 |
| 45. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7320 |
| 46. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÃ HỒNG TIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088001450

Ngày cấp: 10/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 83 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 83 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÃ HỒNG TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088001450

Ngày cấp: 10/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 83 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 83 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội